TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST
Ngày 04-5-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Chí Linh

Ông Lê Tất Kề

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Hoàng- Thư ký Toà án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 08/TB-TA ngày 16/4/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; địa chỉ: Số 266- 268 đường N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- *Bị đơ*n: Anh Trịnh Quốc Kh

ĐKHKTT: Tổ 2 H, phường Ph, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh;

Nơi đăng ký tạm trú: Số 95 P, P 2, phường Đ, quận H, Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/6/2018, anh Trịnh Quốc Kh có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành

và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000đồng cho anh Kh, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng số 472075- 6372, anh Kh đã thực hiện giao dịch với tổng số 19.483.761đồng và mới thanh toán cho Ngân hàng 3.750.000đồng. Quá trình sử dụng thẻ, nhiều kỳ anh Kh không thanh toán cho Ngân hàng đúng hạn, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/3/2019 Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và chấm dứt quyền sử dụng thẻ của anh Kh. Tính đến hết ngày 04/5/2020, anh Kh còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

Dư nợ gốc: 20.938.559 đồng

Lãi quá hạn: 9.183.672 đồng

Tổng cộng: 30.122.231 đồng

Ngân hàng yêu cầu anh Trịnh Quốc Kh phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 04/5/2020 là 30.122.231 đồng (trong đó: Nợ gốc là 20.938.559 đồng, lãi quá hạn: 9.183.672 đồng) và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 05/5/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn, nhưng bị đơn vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể vắng mặt tại tất các các lần Tòa án triệu tập.

Quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân quận Hải An nhận định:

- Về tố tụng:

[2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt, không lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ

đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Ngày 15/6/2018, anh Trịnh Quốc Kh và Ngân hàng Thương mại Cổ phần S ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), với hạn mức tín dụng là 20.000.000đồng, mục đích vay tiêu dùng (sau đây viết là Hợp đồng).

[4] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng: Người tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung của Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 1 Điều 16 của Thông tư quy định về hoạt động thẻ ngân hàng số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Nội dung của Hợp đồng có đầy đủ các điều khoản quy định tại Điều 13 của Thông tư quy định về hoạt động thẻ ngân hàng số 19/2016/TT-NHNN. Về hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự . Như vậy, Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

[5] Xét việc thực hiện Hợp đồng của các bên: Theo bản Tóm tắt Sao kê từ tài khoản thẻ số 472075- 6372 của anh Trịnh Quốc Khương, xác định: Tổng số tiền mà anh Kh thực hiện giao dịch thẻ là 19.483.761đồng. Tổng số tiền mà anh Kh đã thanh toán là 3.750.000đồng tính đến ngày 22/12/2018. Từ thời điểm này đến nay anh Kh không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng. Như vậy, anh Kh đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Sau 3 kỳ liên tiếp anh Kh không thanh toán cho Ngân hàng nên ngày 23/3/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, tiến hành thu toàn bộ nợ là phù hợp với Điều 23 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

[6] Xét yêu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo Điều 1.9 Bảng Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng thì dư nợ gốc là tổng số nợ của tài khoản bao gồm tất cả số tiền giao dịch, phí và tiền lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ. Theo bản Tóm tắt Sao kê từ tài khoản thẻ số 472075- 6372 của anh Trịnh Quốc Kh thì tại thời điểm vi phạm hợp đồng ngày 22/3/2019 tổng dư nợ của anh Kh là 20.938.599đồng.

Theo thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng, lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 2,15%/tháng, phù hợp với Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Đối với lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận là phù hợp với điểm b khoản 5

Điều 466 của Bộ luật Dân sự và điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN. Xét Bảng kê tính lãi phù hợp với bản Tóm tắt Sao kê từ tài khoản thẻ số 472075- 6372 của anh Trịnh Quốc Kh: Từ ngày 23/3/2019 Ngân hàng áp dụng mức lãi suất quá hạn (150% x 2,15%/tháng) đối với toàn bộ dư nợ gốc 20.938.599đồng, nên có căn cứ xác định: Tính đến hết ngày 04/5/2020, anh Kh còn nợ Ngân hàng số tiền lãi quá hạn là 9.183.672 đồng.

Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn theo khoản 1, điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự và kho ản 2 Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[7] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bị đơn tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận. Và kể từ ngày Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền lãi quá hạn cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, khoản 1, khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Buộc anh Trịnh Quốc Kh phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền là 30.122.231đ (*ba mươi triệu một trăm hai mươi hai nghìn hai trăm ba mươi mốt đồng*). Trong đó: Dư nợ gốc là 20.938.559đ (*hai mươi triệu chín trăm ba mươi tám nghìn năm trăm năm mươi chín đồng*), nợ lãi quá hạn là 9.183.672đ (*chín triệu một trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi hai đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay

theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản nợ lãi quá hạn, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Anh Trịnh Quốc Kh phải chịu 1.506.000đ (*một triệu năm trăm linh sáu nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp : 631.000đ (*sáu trăm ba mươi mốt nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0005435 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, Hải Phòng.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND TP. Hải Phòng;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Thủy